

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày 25-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng và bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai V1 án hình sự thụ lý số: 35/2023/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Trịnh Công Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 22 tháng 12 năm 1997 tại tỉnh Yên Bái; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ x, ĐT, YB, YB; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trịnh Công x, sinh năm 196x và bà: Nguyễn Thị x, sinh năm: 196x; vợ: Phạm Thị Thùy D1, sinh năm 199x; con: Có 02 con, lớn sinh năm 201x, nhỏ sinh năm 202x; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Đặng Xuân L; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 2x tháng x năm 200x tại tỉnh Yên Bái; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố số x, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh YB; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Đặng Xuân K, sinh năm: 197x và bà: Nguyễn Thị H3, sinh năm 198x; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2020, bị Công an tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Đánh bạc trái phép bằng hình thức mua các số lô, số đề theo Quyết định số 12/QĐ-XPHC ngày 28-02-2020. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Mạnh T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 1x tháng x năm 199x tại tỉnh Yên Bái; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh YB;

nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn x (đã chết) và bà: Lê Thị x, sinh năm 197x; vợ: Phạm Thị Như x, sinh năm 199x; con: Có 01 con, sinh năm 202x; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2013, bị Công an tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Đánh nhau gây mất trật tự tại Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 06-02-2013. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa V1 liên quan:**

- Ông Nguyễn Trung K. Vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Anh Trần Xuân T. Vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Anh Hoàng Văn N. Vắng mặt.
- Ông PH Quang H. Vắng mặt.
- Chị Phan Thanh H1. Vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Anh Cát Tiến D. Vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Anh Nguyễn Văn H2. Vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Chị Nguyễn Thị Thu H3. Vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Chị Nguyễn Thanh V. Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Quý V1. Vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Thu H3. Vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Chị Nguyễn Ngọc H4. Vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Chị Phạm Thị Thùy D1. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh Lương Hữu L. Vắng mặt.
- Anh Phan Hải H. Vắng mặt.

NỘI DUNG V1 ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Công Đ, Đặng Xuân L và Nguyễn Mạnh T có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Bản thân Đ thực hiện Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cho Đặng Xuân L, Nguyễn Mạnh T vay tiền để L và T cho một số người khác vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên, khi cho L và T vay tiền, Đ không biết họ đã sử dụng tiền của mình để cho vay với lãi suất cao và cũng không biết những người vay tiền của T và L là ai.

Trong thời gian từ đầu tháng 07-2021 đến tháng 10-2022, Đ, L, T đã cho nhiều người vay lãi suất cao, cụ thể:

* Trịnh Công Đ đã cho 02 người vay tiền với lãi suất cao từ 102,7% đến 108,4%, gấp 5,1 lần đến 5,42 lần mức quy định của Bộ luật dân sự (mức lãi suất tối đa pháp luật cho phép là 20%/năm) với tổng số tiền cho vay là 170.000.000 đồng, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Trung K: Ngày 21-7-2021, Đ cho ông K vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày, thu tiền lãi theo tháng, mỗi tháng ông K phải trả cho Đ 9.000.000 đồng. Trong thời gian 157 ngày (từ 21-7-2021 đến 24-12-2021), ông K đã trả cho Đ đủ 05 tháng tiền lãi = 45.000.000 đồng, với lãi suất 2.866 đồng/ngày = 104,6%/năm (gấp 5,2 lần mức quy định), ông K chưa trả được tiền gốc. Để nhanh chóng thu hồi được tiền gốc đã cho vay, đầu tháng 01-2022, Đ đã thỏa thuận với ông K tăng mức lãi suất cho vay lên 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày, mỗi tháng ông K phải trả cho Đ 15.000.000 đồng; tuy nhiên ông K không thực hiện đúng như thỏa thuận. Trong thời gian từ 25-12-2021 đến 22-10-2022 (302 ngày), ông K đã trả cho Đ được 90.000.000 đồng tiền lãi với mức lãi suất cho vay 2.980 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 108,4%/năm (gấp 5,42 lần mức quy định), trong đó có 07 lần ông K chuyển khoản trả tiền vào tài khoản Techcombank mang tên Trịnh Công Đ; 01 lần Đ nhờ Đặng Xuân L nhận trực tiếp số tiền 10.000.000 đồng và 01 lần Đ nhờ L đến nhà ông K để nhận 10.000 viên gạch (Đ và ông K thỏa thuận có giá trị tương đương 10.000.000 đồng). Đến cuối tháng 10-2022, Đ và ông K đã thống nhất, Đ chỉ thu số tiền gốc ông K đã vay và cho ông K số tiền lãi còn lại là 60.000.000 đồng.

Khi cho ông K vay tiền với lãi suất cao, Đ đã thu lợi bất chính số tiền là: $(45.000.000 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 157 \text{ ngày}) + (90.000.000 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 302 \text{ ngày}) = 36.397.260 \text{ đồng} + 73.452.055 \text{ đồng} = 109.849.315 \text{ đồng}.$

2. Anh Trần Xuân T vay tiền của Đ 02 lần, lãi suất vay thỏa thuận cả 02 lần là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày, thu tiền lãi theo tháng, không thỏa thuận thời hạn vay.

Lần 1: Ngày 18-8-2021, anh T vay số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 18-9-2021 (32 ngày), anh T đã trả trực tiếp cho Trịnh Công Đ đủ số tiền gốc vay và tiền lãi của một tháng vay là 1.800.000 đồng, với lãi suất là 2.813 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 102,7%/năm, gấp 5,1 lần mức quy định.

Lần 2: Ngày 30-9-2021, anh T tiếp tục vay của Đ số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 30-10-2021 (31 ngày), anh T đã trả đủ số tiền gốc vay của Đ và số tiền lãi trong một tháng vay là 4.500.000 đồng, với lãi suất 2.903 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 106%/năm, gấp 5,3 lần mức quy định.

Trong 02 lần cho anh Trần Xuân T vay tiền với lãi suất cao, Trịnh Công Đ đã thu lợi bất chính số tiền là: $(1.800.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \times 32$

ngày) + (4.500.000 đồng - 50.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 31 ngày) = 5.100.000 đồng.

Tổng số tiền Trịnh Công Đ đã thu lợi bất chính khi cho hai người nêu trên vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 109.849.315 đồng + 5.100.000 đồng = 114.949.315 đồng.

* Đặng Xuân L đã thực hiện cho 02 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trong năm 2022 với số tiền 40.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Anh Hoàng Văn N: Ngày 01-01-2022, L cho anh N vay số tiền 20.000.000 đồng, mỗi tháng anh N phải trả cho L 3.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 01-01-2022 đến ngày 16-6-2022 (167 ngày), anh N đã trả cho L 16.700.000 đồng tiền lãi với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Anh N đã đủ số tiền gốc đã vay cho L. Số tiền L đã thu lợi bất chính khi cho anh N vay tiền lãi suất cao là: 16.700.000 đồng - 20.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 167 ngày = 14.869.863 đồng.

2. Ông PH Quang H: Ngày 31-8-2022, ông H đã vay của L số tiền 20.000.000 đồng, mỗi tháng ông H phải trả cho L 2.400.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 29-10-2022 (60 ngày), ông H đã trả cho L được tiền lãi là 4.800.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày = 146%/năm, gấp 7,3 lần mức quy định. Ông H chưa trả số tiền gốc cho L. Số tiền L đã thu lợi bất chính khi cho ông H vay tiền với lãi suất cao là: 4.800.000 đồng - 20.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 60 ngày = 4.142.466 đồng.

Số tiền L đã thu lợi bất chính khi cho anh N và ông H vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 14.869.863 đồng + 4.142.466 đồng = 19.012.329 đồng.

Quá trình điều tra xác định, Đặng Xuân L đã giúp Trịnh Công Đ đi thu tiền lãi và nhắc ông Nguyễn Trung K trả lãi cho Đ, số tiền ông K vay Đ là 100.000.000 đồng, lãi suất vay 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày. Tuy nhiên ông K mới chỉ thanh toán được 90.000.000 đồng tiền lãi cho Đ, đến cuối tháng 10-2022, Đ và ông K đã thống nhất với nhau: Đ chỉ thu số tiền gốc đã cho ông K vay và cho ông K số tiền lãi còn lại là 60.000.000 đồng. Trong thời gian L đi thu nợ và nhắc lãi ông K hộ Đ, từ ngày 04-3-2022 đến ngày 22-10-2022 (233 ngày), ông K đã trả cho Đ số tiền lãi là 75.000.000 đồng. Trong đó: 01 lần Đ nhờ Đặng Xuân L nhận trực tiếp số tiền 10.000.000 đồng và 01 lần Đ nhờ L đến nhà ông K để nhận 10.000 viên gạch (Đ và ông K thỏa thuận có giá trị tương đương 10.000.000 đồng), còn lại ông K tự chuyển tiền vào tài khoản của Đ sau khi được L đến nhắc nộp lãi. Số tiền lãi L đã giúp Đ thu của ông K là 75.000.000 đồng, tương đương với lãi suất 3.219 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 117,5%/năm, gấp 5,9 lần mức quy định. Số tiền L giúp Đ thu lợi bất chính khi cho ông K vay là 75.000.000 đồng - 100.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 233 ngày = 62.232.877 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà L phải chịu trách nhiệm hình sự là 81.245.205 đồng. Trong đó, số tiền thu lợi bất chính L tự cho vay là 19.012.329 đồng và số tiền L giúp Đ thu lợi bất chính là 62.232.877 đồng.

* Nguyễn Mạnh T đã thực hiện cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 07 người từ tháng 6-2019 đến tháng 11-2022 với tổng số tiền cho vay là 137.500.000 đồng. Cụ thể:

1. Chị Phan Thanh H1 vay tiền của T 05 lần dưới hình thức vay lãi ngày và vay “bóc bát họ” với tổng số tiền vay là 33.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: T cho chị H1 vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận thu lãi theo tháng. Từ ngày 01-6-2019 đến ngày 23-8-2020, chị H1 đã trả cho T 15 tháng (450 ngày) tiền lãi = 22.500.000 đồng, tương ứng với lãi suất là 5.000 đồng /1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 182,5%/01 năm, gấp 9,1 lần mức quy định. Đến tháng 9-2022, chị H1 xin và được T đồng ý không thu lãi của khoản vay này, chỉ thu tiền gốc.

Lần 2: T cho chị H1 vay 10.000.000 đồng, thu lãi theo tháng. Từ ngày 01-9-2019 đến ngày 22-01-2021, chị H1 đã trả cho T được 17 tháng (510 ngày) tiền lãi = 25.500.000 đồng, tương ứng với lãi suất là 5.000 đồng /1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,1 lần mức quy định. Lần vay này đến tháng 02-2022, chị H1 cũng xin T không thu lãi và được T đồng ý.

Cả hai khoản vay này, chị H1 đều chưa trả tiền gốc cho T.

Lần 3: Chị H1 vay T số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 16-10-2022, hình thức vay “bóc họ”, lãi suất thỏa thuận 7.500 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 273,7%/năm, gấp 13,7 lần mức quy định; thời hạn vay trong 50 ngày, chị H1 phải trả cả gốc và lãi cho T là 5.500.000 đồng, trong đó có 1.500.000 đồng tiền lãi. Đối với khoản vay này, T mới thu được 3.300.000 đồng của 06 lần trả họ (mỗi lần 550.000 đồng). Số tiền còn lại (của 04 lần trả họ) là 2.200.000 đồng, chị H1 chưa trả cho T thì ngày 20-11-2022 (36 ngày) Cơ quan Công an phát hiện Hành vi vi phạm của T. Số tiền lãi thực tế T đã thu của chị H1 là 900.000 đồng, tương ứng với lãi suất 6.250 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 228,1%/năm, gấp 11,4 lần mức quy định.

Lần 4: Chị H1 vay T 5.000.000 đồng vào ngày 27-10-2022, cũng với hình thức “bóc bát họ”, lãi suất thỏa thuận 6.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 219%/năm, gấp 10,95 lần mức quy định, vay trong 50 ngày phải trả tiền lãi là 1.500.000 đồng và trả đủ tiền gốc. T thu tiền thành 10 lần, mỗi lần 650.000 đồng. Chị H1 mới trả cho T được 04 lần = 2.600.000 đồng, còn 06 lần = 3.900.000 đồng, chị H1 chưa trả thì ngày 20-11-2022 (25 ngày) T bị phát hiện Hành vi vi phạm. Số tiền lãi thực tế T đã thu của chị H1 là 600.000 đồng, tương ứng với lãi suất 4.800 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 175,2%/năm, gấp 8,8 lần mức quy định.

Lần 5: Ngày 10-11-2022, T cho chị H1 vay 4.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày= 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức quy định, thời hạn vay trong 10 ngày số tiền lãi phải trả là 120.000 đồng nhưng chị H1 chưa trả thì ngày 20-11-2022 (10 ngày) T bị cơ quan Công an phát hiện Hành vi vi phạm.

Đối với việc cho chị H1 vay tiền T phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lợi bất chính là: $(22.500.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 450 \text{ ngày}) + (25.500.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 510 \text{ ngày}) + (1.500.000 \text{ đồng} - 4.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 50 \text{ ngày}) + (1.500.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 50 \text{ ngày}) + (120.000 \text{ đồng} - 4.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày}) = 45.591.233 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, thực tế thì T mới chỉ thu lợi bất chính được số tiền là: $(22.500.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 450 \text{ ngày}) + (25.500.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 510 \text{ ngày}) + (900.000 \text{ đồng} - 4.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 36 \text{ ngày}) + (600.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày}) + 0 = 44.092.329 \text{ đồng}$, do lần thứ 3 và thứ 4 cho chị H1 vay tiền T chưa thu đủ số tiền lãi như mong muốn thì đã bị phát hiện.

2. Anh Cát Tiến D vay tiền của T 03 lần đều với hình thức “bóc bát họ”, thời gian vay trong 50 ngày, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày.

Lần 1: T cho anh D vay số tiền 5.000.000 đồng. Từ ngày 01-9-2022 đến ngày 28-9-2022 (28 ngày), anh D đã trả cho T 1.500.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 10.714 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày= 391,1%/năm, gấp 19,6 lần mức quy định.

Lần 2: T cho anh D vay số tiền 5.000.000 đồng. Từ ngày 28-9-2022 đến ngày 18-11-2022 (52 ngày), anh D đã trả cho T số tiền lãi là 1.500.000 đồng, tương ứng với lãi suất 5.769 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ ngày = 210,6%/năm, gấp 10,5 lần mức quy định.

Lần 3: T cho anh D vay số tiền 5.000.000 đồng. Từ ngày 18-11-2022, T mới thu được số tiền 650.000 đồng (do trừ luôn lần đóng họ đầu tiên của anh D khi vay tiền) thì 03 ngày sau (ngày 20-11-2022), T bị phát hiện Hành vi vi phạm. Số tiền lãi thực tế T đã thu của anh D là 150.000 đồng, tương ứng với lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 365%/năm, gấp 18,3 lần mức quy định.

Cả 03 lần vay, anh D đều đã trả đủ cho T số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

Đối với việc cho anh D vay tiền T phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lợi bất chính là: $1.500.000 \text{ đồng} \times 3 - (5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 50 \text{ ngày}) \times 3 = 4.089.041 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, thực tế thì T mới chỉ thu lợi bất chính được số tiền là: $1.500.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày}) +$

$1.500.000 \text{ đồng} - (5.000.000\text{đ} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 52 \text{ ngày}) + 150.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 03 \text{ ngày}) = 2.922.603 \text{ đồng}.$

3. Anh Nguyễn Văn H2 vay tiền của T 02 lần với tổng số tiền là 14.500.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 7-2022, T cho anh H2 vay số tiền 6.500.000 đồng, mỗi tháng anh H2 phải trả cho T 975.000 đồng tiền lãi. Anh H2 đã trả cho T được 03 tháng tiền lãi = 2.925.000 đồng, tương ứng với lãi suất $5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} = 182,5\%/năm$, gấp 9,1 lần mức quy định. Khi trả lãi tháng thứ 3 (90 ngày) thì anh H2 xin không phải trả tiền lãi các tháng tiếp theo nữa và được T đồng ý.

Lần 2: Ngày 15-8-2022, T cho anh H2 vay 8.000.000 đồng. Anh H2 đã trả cho T được 02 tháng tiền lãi = 2.400.000 đồng, tương ứng với lãi suất $5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} = 182,5\%/năm$, gấp 9,1 lần mức quy định. Khi trả lãi tháng thứ 2 (60 ngày) thì anh H2 xin không phải trả tiền lãi các tháng tiếp theo nữa, T đồng ý.

Cả hai lần vay tiền, anh H2 đều chưa trả tiền gốc cho Nguyễn Mạnh T. T đã thu lợi bất chính khi cho anh H2 vay tiền lãi suất cao là: $(2.925.000 \text{ đồng} - 6.500.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày}) + (2.400.000 \text{ đồng} - 8.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày}) = 4.741.438 \text{ đồng}.$

4. Chị Nguyễn Thị Thu H3 vay tiền của T 02 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, cụ thể:

Lần đầu tiên vào ngày 29-9-2022, T cho chị H3 vay số tiền 20.000.000 đồng dưới hình thức “bốc bắt họ”, trong 50 ngày, chị H3 phải trả đủ cho T 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất thỏa thuận là $6.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} = 219\%/năm$, gấp 10,95 lần mức quy định. Chị H3 đã trả cho T được số tiền 9.600.000 đồng, bao gồm 8.000.000 đồng tiền gốc và 1.600.000 đồng tiền lãi. Ngày 16-11-2022 (49 ngày), chị H3 gặp T và xin chuyển 14.400.000 đồng là tiền của những lần đóng họ còn lại sang thực hiện trả lãi ngày với lãi suất thỏa thuận là $5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng tiền vay}/\text{ngày}$. Tuy nhiên chị H3 chưa trả cho T được lần nào thì T bị Cơ quan Công an phát hiện Hành vi vi phạm. Số lãi thực tế T đã thu của chị H3 là 1.600.000 đồng, tương ứng với lãi suất $1.633 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng tiền vay}/\text{ngày} = 59,6\%/năm$, gấp 3,0 lần mức quy định.

Lần hai, ngày 10-10-2022, T cho chị H3 vay 10.000.000 đồng với lãi suất là $5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng tiền vay}/\text{ngày}$. Chị H3 đã trả cho T 01 tháng tiền lãi (30 ngày) là 1.500.000 đồng = $182,5\%/01 \text{ năm}$, gấp 9,1 lần mức quy định. Chị H3 chưa trả tiền gốc cho T.

Đối với việc cho chị H3 vay tiền T phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lợi bất chính là: $(4.000.000 \text{ đồng} + 1.500.000 \text{ đồng}) - (20.000.000 \text{ đồng} \times$

$20\%/365 \text{ ngày} \times 50 \text{ ngày} + 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày}) = 4.787.671 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, thực tế thì T mới chỉ thu lợi bất chính được số tiền là: $(1.600.000 \text{ đồng} + 1.500.000 \text{ đồng}) - (20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 49 \text{ ngày} + 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày}) = 2.398.630 \text{ đồng}$.

5. Chị Nguyễn Thanh V vay tiền T 01 lần vào ngày 20-08-2022, số tiền vay là 10.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày. Sau 02 tháng (60 ngày), chị V đã trả được 4.500.000 đồng tiền lãi, tương ứng với mức lãi suất 7.500 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 273,8%/năm, gấp 13,7 lần mức quy định. Chị V đã trả đủ tiền gốc cho T.

Nguyễn Mạnh T đã thu lợi bất chính khi cho chị Nguyễn Thanh V vay tiền lãi suất cao là: $4.500.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = 4.171.233 \text{ đồng}$.

6. Ông Nguyễn Quý V1 vay tiền T 01 lần vào ngày 16-9-2022 số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày. Đến ngày 17-11-2022 (63 ngày), ông V1 đã trả được số tiền lãi là 4.500.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất là 7.143 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 260,7%/năm, gấp 13 lần mức quy định. Ông V1 đã trả đủ tiền gốc cho T.

Nguyễn Mạnh T đã thu lợi bất chính khi cho ông Nguyễn Quý V1 vay tiền lãi suất cao là: $4.500.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 63 \text{ ngày} = 4.154.795 \text{ đồng}$.

7. Chị Nguyễn Thị Thu H3 vay tiền T 03 lần:

Lần thứ nhất: Vào tháng 03-2022, T cho chị H3 vay 10.000.000 đồng. Chị H3 đã trả cho T 03 tháng (90 ngày) tiền lãi = 4.500.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,1 lần mức quy định. Chị H3 đã trả đủ tiền gốc cho T.

Lần thứ hai: Vào ngày 28-6-2022, chị H3 tiếp tục hỏi vay T số tiền 10.000.000 đồng. Chị H3 đã trả cho T được 04 tháng (120 ngày) tiền lãi là 6.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,1 lần mức quy định. Lần vay này, chị H3 chưa trả tiền gốc cho T.

Lần thứ ba: T cho chị H3 vay với hình thức “bóc bát họ”, số tiền vay là 5.000.000 đồng. Sau 50 ngày (từ ngày 27-10-2022 đến ngày 15-12-2022) chị H3 phải trả cho T đủ số tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi, với mức lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 219%/năm, gấp 10,95 lần mức quy định nhưng chị H3 mới trả cho T 05 lần “họ” tương đương số tiền 3.250.000 đồng còn nợ là 3.250.000 đồng thì ngày 20-11-2022 (25 ngày từ khi cho chị H3 vay tiền) T bị Cơ quan Công an phát hiện Hành vi vi phạm. Số tiền

lãi thực tế T đã nhận được là 750.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày = 219%/ năm, gấp 10.95 lần mức quy định.

Đối với việc cho chị H3 vay tiền T phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lợi bất chính là: $(4.500.000 \text{ đồng} + 6.000.000 \text{ đồng}) - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times (120 + 90) \text{ ngày} + (1.500.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 50 \text{ ngày}) = 10.712.329 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, thực tế thì T mới chỉ thu lợi bất chính được số tiền là: $(4.500.000 \text{ đồng} + 6.000.000 \text{ đồng} + 750.000 \text{ đồng}) - (20\%/365 \text{ ngày} \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 210 \text{ ngày}) - (20\%/365 \text{ ngày} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày}) = 10.030.822 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Nguyễn Mạnh T phải chịu trách nhiệm hình sự khi thu lợi bất chính khi cho 07 người nêu trên vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 45.591.233 đồng + 4.089.041 đồng + 4.741.438 đồng + 4.787.671 đồng + 4.171.233 đồng + 4.154.795 đồng + 10.712.329 đồng = 78.247.740 đồng. Tuy nhiên, thực tế T đã thu lợi bất chính được số tiền là: 44.092.329 đồng + 2.922.603 đồng + 4.741.438 đồng + 2.398.630 đồng + 4.171.233 đồng + 4.154.795 đồng + 10.030.822 đồng = 72.511.850 đồng.

* Đồ vật, tài liệu thu giữ của Trịnh Công Đ: Số tiền 52.610.000 đồng thu giữ trong két sắt tại phòng ở của Đ khi thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp và số tiền 10.000.000 đồng Đ tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra.

* Đồ vật, tài liệu thu giữ của Nguyễn Mạnh T: 01 xe mô tô nhãn H2 Airblade đã cũ, biển kiểm soát 21V8-4779, số khung: 18088Y839789, số máy: F18E-5449170, màu sơn trắng - đen; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 004871, mang tên Nguyễn Ngọc H4, biển số đăng ký: 21V8-4779; 02 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, trong đó 01 nhẫn có gắn mặt đá màu xanh, 01 nhẫn có gắn mặt đá màu trắng; 02 đôi hoa tai bằng kim loại màu vàng, trong đó 01 đôi hoa tai có gắn mặt đá màu xanh, 01 đôi hoa tai có gắn mặt đá màu trắng và số tiền 10.000.000 đồng T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái.

Bản Cáo trạng số 33/CT-VKS-TP ngày 10-4-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo Trịnh Công Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Xuân L và bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Công Đ phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân L và bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Trịnh Công Đ từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Đặng Xuân L từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về vật chứng, tài sản thu giữ và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đối với bị cáo Đạt:

+ Tịch thu của bị cáo số tiền gốc những người vay tiền là 70.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được của người vay là 26.350.685 đồng để nộp vào Ngân sách NHÀ nước.

+ Buộc bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho 02 người vay: Ông Nguyễn Trung Khoản: 109.849.315 đồng; anh Trần Xuân Tình: 5.100.000 đồng.

+ Tịch thu từ ông Nguyễn Trung Khoản phải nộp số tiền 100.000.000 đồng (là số tiền gốc ông K chưa trả cho bị cáo) để nộp vào Ngân sách NHÀ nước.

+ Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Đối với bị cáo L:

+ Tịch thu của bị cáo số tiền gốc những người vay tiền đã trả là 20.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được của người vay là 2.487.671 đồng để nộp vào Ngân sách NHÀ nước.

+ Buộc bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho 02 người vay: Anh Hoàng Văn Nói: 14.869.863 đồng; ông Phùng Quang Hùng: 4.142.466 đồng.

+ Buộc ông Phùng Quang Hùng phải nộp số tiền 20.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách NHÀ nước.

- Đối với bị cáo T:

+ Tịch thu của bị cáo số tiền gốc những người vay tiền đã là 59.900.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được của người vay là 8.813.151 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho 07 người vay: Chị Phan Thanh H: 44.092.329 đồng; anh Cát Tiến D: 2.922.603 đồng; anh Nguyễn Văn H: 4.741.438 đồng; chị Nguyễn Thị Thu H: 2.398.630 đồng; ông Nguyễn Quý V: 4.154.795 đồng; chị Nguyễn Thanh V: 4.171.233 đồng và chị Nguyễn Thị Thu H: 10.030.822 đồng.

+ Buộc: Chị Phan Thanh H1 phải nộp số tiền 28.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn H2 phải nộp số tiền 14.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thu H3 phải nộp số tiền 22.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thu H3 phải nộp số tiền 12.500.000 đồng vào Ngân sách NHÀ nước.

+ Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho chị Phạm Thị Thuỳ D1 số tiền: 52.610.000 đồng là tiền thu giữ khi khám xét, không liên quan đến Hành vi phạm tội của bị cáo Đ.

- Trả lại cho chị Nguyễn Ngọc H4 01 xe mô tô nhãn H2 AIR BLADE, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 21V8-4779, xe cũ đã qua sử dụng và 01 đăng ký mô tô, xe máy số: 004871, tên chủ xe Nguyễn Ngọc H4, biển số đăng ký 21V8-4779, cấp ngày 12-6-2009 không liên quan đến Hành vi phạm tội.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận Hành vi phạm tội như đã nêu trên, không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái, cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến

Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 07 năm 2021 đến tháng 10 năm 2022 tại địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Trịnh Công Đ, Đặng Xuân L và Nguyễn Mạnh T đã nhiều lần cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao cụ thể:

* Bị cáo Trịnh Công Đ đã có Hành vi cho 02 người là ông Nguyễn Trung K và anh Trần Xuân T vay tiền nhiều lần với mức lãi suất tương ứng từ 102,7%/năm đến 108,8%/năm, gấp 5,1 lần đến 5,42 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền Đ đã thu lợi bất chính khi cho ông K và anh T vay là: 114.949.315 đồng.

* Bị cáo Đặng Xuân L đã có Hành vi cho 02 người là anh Hoàng Văn N và ông PH Quang H vay tiền mức lãi suất tương ứng từ 146%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 7,3 lần đến 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lợi bất chính là 19.012.329 đồng.

Ngoài ra, từ ngày 04-3-2022 đến ngày 22-10-2022, bị cáo L tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo Đ đi thu tiền lãi và nhắc ông Nguyễn Trung K nộp lãi cho khoản tiền vay: 100.000.000 đồng, L đã giúp Đ thu lãi: 75.000.000 đồng với lãi suất 117,5%/năm, gấp 5,9 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền: 62.232.877 đồng.

Tổng số tiền bị cáo L đã thu lợi bất chính và giúp bị cáo Đ thu lợi bất chính là: 81.245.206 đồng.

* Bị cáo Nguyễn Mạnh T đã có Hành vi cho 07 người là chị Phan Thanh H1, anh Cát Tiến D, anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Thu H3, chị Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Quý V1 và chị Nguyễn Thị Thu H3 vay tiền nhiều lần với mức lãi suất tương ứng từ 59,6%/năm đến 391,1%/năm (gấp từ 3,0 lần đến 19,6 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lợi bất chính khi cho 07 người vay là 78.247.740 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế bị cáo thu được là: 72.511.849 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố đối với bị cáo Trịnh Công Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201; truy tố đối với bị cáo Đặng Xuân L và bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức để điều

chính mọi Hành vi hoạt động của bản thân nhưng vì muốn kiếm tiền bất chính nên vẫn cố ý thực hiện phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của NHÀ nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm minh.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trịnh Công Đ không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đặng Xuân L không có tiền án, tiền sự. Năm 2020, bị cáo bị phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm Hành chính về Hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức mua các số lô, số đề” (đã được xóa tiền sự); bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Mạnh T không có tiền án, tiền sự. Năm 2013, bị cáo bị Công an thành phố Yên Bái xử phạt vi phạm Hành chính về Hành vi “Đánh nhau gây mất trật tự công cộng” (đã được xóa tiền sự); bị cáo có hai T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các T tiết này thuộc trường hợp được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân và các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có không có tiền án, tiền sự; có hai T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo thực hiện tội phạm vì mục đích lợi nhuận nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về Hành vi và người liên quan khác:

Đối với Lương Hữu L, quá trình điều tra xác định, L có vay số tiền 200.000.000 đồng của Trịnh Công Đ để làm ăn, trong đó một phần L đã sử dụng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 04 người gồm anh An Vũ Huy H; anh Nguyễn Anh Đ; anh Nguyễn Quốc K và chị H4 Thị L với tổng số tiền cho vay là 60.000.000đ đồng, lãi suất cho vay từ 108%/năm đến 180%/năm, gấp 5,4 lần đến 9 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật

Dân sự. Tuy nhiên tổng số tiền Lương Hữu L đã thu lợi bất chính khi cho 04 người nói trên vay là 21.847.000 đồng chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 22-3-2023, Công an thành phố Yên Bái có Công văn số 366/CATP-ĐCSKT đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm Hành chính đối với đối với Lương Hữu L về Hành vi: “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự” quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm Hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình, là phù hợp.

Đối với Hành vi cho anh Phan Hải H vay tiền của bị cáo Trịnh Công Đ: Quá trình điều tra xác định, bị cáo Đ đã cho anh H vay 02 lần với tổng số tiền là 50.000.0000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng bị cáo Đ không thu lãi của anh H và anh H cũng đã trả tiền gốc cho bị cáo Đ nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về vật chứng và các đồ vật, tài sản tạm giữ và các biện pháp tư pháp

[8.1] Về vật chứng và các đồ vật, tài sản tạm giữ

- Đối với 02 chiếc nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, trong đó một nhẫn có gắn mặt đá màu xanh, một nhẫn có gắn mặt đá màu trắng; 02 đôi hoa tai bằng kim loại màu vàng, trong đó một đôi hoa tai có gắn mặt đá màu xanh, một đôi hoa tai có gắn mặt đá màu trắng: Đây là số tài sản chị Phan Thanh H1 đã đưa cho bị cáo T để làm tin khi vay tiền lần thứ 3, không liên quan đến tội phạm, do đó ngày 10-02-2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái đã trả lại cho chị H1 theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 10/QĐ-ĐCSKT nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn H2 Airblade, màu sơn trắng đen, số khung: 18088Y839789, số máy: F18E-5449170, biển kiểm soát: 21V8-4779, xe cũ đã qua sử dụng và 01 đăng ký mô tô, xe máy số 004871, tên chủ xe Nguyễn Ngọc H4, biển số đăng ký: 21V8-4779, cấp ngày 12-6-2009: Quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản hợp pháp của chị H4 cho chị H1 mượn. Chị H4 biết việc chị H1 vay tiền của bị cáo T và đồng ý cho chị H1 đưa số tài sản này cho bị cáo T làm tin khi vay tiền nhưng chị H4 không biết, không liên quan đến việc T cho chị H1 vay tiền với lãi suất cao. Chị H4 đề nghị được nhận lại số tài sản trên, xét đề nghị của chị H4 là phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với số tiền 52.610.000 đồng thu giữ khi thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp đối với bị cáo Trịnh Công Đ: Quá trình điều tra xác định, đây là số tiền hợp pháp của chị Phạm Thị Thùy D1- vợ bị cáo Đ, chị D1 không liên quan đến Hành

vi phạm tội của bị cáo Đ và đề nghị được nhận lại số tài sản trên, xét đề nghị của chị D1 là phù hợp nên được chấp nhận.

[8.2] Các biện pháp tư pháp

* Đối với bị cáo Trịnh Công Đ và những người vay tiền của Đ là ông Nguyễn Trung K, anh Trần Xuân T:

- Tịch thu của bị cáo Đ tổng số tiền 96.350.685 đồng nộp ngân sách NHÀ nước. Bao gồm các khoản: Số tiền gốc anh T đã trả cho bị cáo Đ là 70.000.000 đồng; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Đ đã thu được của ông K và anh T là 25.150.685 đồng + 1.200.000 đồng = 26.350.685 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trừ số tiền 10.000.000 đồng trên vào khoản tiền 96.350.685 đồng mà bị cáo bị tịch thu. Đề nghị này của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận, bị cáo Đ còn phải nộp Ngân sách NHÀ nước số tiền là: 86.350.685 đồng.

- Đối với số tiền gốc mà ông K chưa trả cho bị cáo Đ là 100.000.000 đồng, cần tịch thu từ ông K để nộp Ngân sách NHÀ nước. .

- Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo Đ thu được của ông K là 109.849.315 đồng và anh T là 5.100.000 đồng, cần buộc bị cáo Đ trả lại cho ông K và anh T.

* Đối với bị cáo Đặng Xuân L và những người vay tiền của L là anh Hoàng Văn N, ông PH Quang H:

- Tịch thu của bị cáo L tổng số tiền 22.487.671 đồng nộp ngân sách NHÀ nước. Bao gồm các khoản: Số tiền gốc anh N đã trả bị cáo L là 20.000.000 đồng; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo L đã thu được của anh N và ông H là: 1.830.137 đồng + 657.534 đồng = 2.487.671 đồng.

- Đối với số tiền gốc mà ông H chưa trả cho bị cáo L là 20.000.000 đồng, cần tịch thu từ ông H để nộp Ngân sách NHÀ nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo L thu được của anh N là 14.069.863 đồng và ông H là 4.412.466 đồng, cần buộc bị cáo L trả lại cho anh N và ông H.

* Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T và những người vay tiền của T là chị Phan Thanh H1, anh Cát Tiến D, anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Thu H3, chị Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Quý V1 và chị Nguyễn Thị Thu H3:

- Tịch thu để nộp Ngân sách NHÀ nước của bị cáo T:

+ Số tiền gốc những người vay đã trả cho bị cáo, cụ thể: Chị H1 đã trả 4.400.000 đồng; anh D đã trả 15.000.000 đồng; chị H3 đã trả 8.000.000 đồng; chị

V đã trả 10.000.000 đồng; ông V1 đã trả 10.000.000 đồng; chị H3 đã trả 12.500.000 đồng. Tổng số tiền là: 59.900.000 đồng.

+ Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo T đã thu được của 07 người vay, cụ thể: chị H1 là 5.407.671 đồng; anh D là 227.397 đồng; anh H2 là 583.562 đồng; chị H3 là 701.370 đồng; chị V là 328.767 đồng; ông V1 là 345.205 đồng; chị H3 là 1.219.178 đồng. Tổng số tiền là: 8.813.150 đồng.

Tổng số tiền mà bị cáo T bị tịch thu, nộp Ngân sách NHÀ nước là: 59.900.000 đồng + 8.813.150 đồng = 68.713.150 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo T tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trừ số tiền 10.000.000 đồng trên vào khoản tiền 68.713.150 đồng mà bị cáo bị tịch thu. Đề nghị này của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận, bị cáo T còn phải nộp Ngân sách NHÀ nước số tiền là: 58.713.150 đồng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo T thu được của 07 người vay, cụ thể: Chị H1 là 44.092.329 đồng; anh D là 2.922.603 đồng; anh H2 là 4.741.438 đồng; chị H3 2.398.630 đồng; chị V là 4.171.233 đồng; ông V1 là 4.154.795 đồng; chị H3 là 10.030.822 đồng, cần buộc bị cáo T trả lại cho chị H1, anh D, anh H2, chị H3, chị V, ông V1 và chị H3 số tiền trên.

- Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Mạnh T, cụ thể: Chị H1 chưa trả 28.600.000 đồng; anh H2 chưa trả 14.500.000 đồng; chị H3 chưa trả 22.000.000 đồng; chị H3 chưa trả 12.500.000 đồng, cần tịch thu từ chị H1, anh H2, chị H3 và chị H3 để nộp Ngân sách NHÀ nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trịnh Công Đ, Đặng Xuân L và Nguyễn Mạnh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Công Đ số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Đặng Xuân L số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh T số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng, đồ vật, tài sản thu giữ và biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.1. Tịch thu, nộp ngân sách NHÀ nước:

- Số tiền 96.350.685 đồng của bị cáo Trịnh Công Đ, được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã giao nộp. Bị cáo còn phải nộp số tiền 86.350.685 đồng.
- Số tiền 22.487.671 đồng của bị cáo Đặng Xuân L.
- Số tiền 68.712.479 đồng của bị cáo Nguyễn Mạnh T, được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã giao nộp. Bị cáo còn phải nộp số tiền 58.712.479 đồng.
- Số tiền 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Trung K.
- Số tiền 20.000.000 đồng của ông PH Quang H.
- Số tiền 28.600.000 đồng của chị Phan Thanh H1.
- Số tiền 14.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn H2.
- Số tiền 22.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H3.
- Số tiền 12.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H3.

3.2. Buộc các bị cáo Trịnh Công Đ, Đặng Xuân L và Nguyễn Mạnh T phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa V1 liên quan số tiền thu lợi bất chính, cụ thể:

- Buộc bị cáo Trịnh Công Đ phải trả lại cho:
 - + Ông Nguyễn Trung K số tiền là 109.849.315 đồng.
 - + Anh Trần Xuân T số tiền là 5.100.000 đồng.
- Buộc bị cáo Đặng Xuân L phải trả lại cho:
 - + Anh Hoàng Văn N số tiền là 14.869.863 đồng.
 - + Ông PH Quang H số tiền là 4.142.466 đồng.
- Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải trả lại cho:

- + Chị Phan Thanh H1 số tiền là 44.092.329 đồng.
- + Anh Cát Tiến D số tiền là 2.922.603 đồng.
- + Anh Nguyễn Văn H2 số tiền là 4.741.438 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị Thu H3 số tiền là 2.398.630 đồng.
- + Chị Nguyễn Thanh V số tiền là 4.171.233 đồng.
- + Ông Nguyễn Quý V1 số tiền là 4.154.795 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị Thu H3 số tiền là 10.030.822 đồng.

Khi bản án có H2 lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong khoản tiền, H4ng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.3. Trả lại cho:

- Chị Nguyễn Ngọc H4 01 xe mô tô nhãn H2 Airblade, màu sơn trắng đen, số khung: 18088Y839789, số máy: F18E-5449170, biển kiểm soát 21V8-4779, xe cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết và 01 đăng ký mô tô, xe máy số: 004871, tên chủ xe Nguyễn Ngọc H4, biển số đăng ký: 21V8-4779, cấp ngày 12-6-2009.

- Chị Phạm Thị Thùy D1 số tiền 52.610.000 đồng.

(Chi tiết đặc điểm vật chứng, đồ vật, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10-4-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái và Chi cục thi Hành án dân sự thành phố Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ bản án hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có H2 lực pháp luật thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu

thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hành án dân sự, thời H2 thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Công an TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Bị cáo (3);
- Người có QL, nghĩa V1 liên quan (13);
- THA hình sự; Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tạ Thị Kim Anh